

Số: 03/2024/QĐST-HNGĐ

Mường Lát, ngày 06 tháng 02 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MƯỜNG LÁT, TỈNH THANH HÓA

Căn cứ vào khoản 2 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, điểm h khoản 2 Điều 39, Điều 146, Điều 147, Điều 212, Điều 213, Điều 361; Điều 366; Điều 371 và Điều 372, khoản 4 Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 147, Điều 148 và Điều 278 Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 68, Điều 69, Điều 71, Điều 72, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 88 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Điều 4, Điều 6, điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 03/2024/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 01 năm 2024 về việc: Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con chung, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

Anh Ngân Văn T, sinh năm 1999;

Địa chỉ: Bản Cấn, xã Tam Chung, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hoá.

Chị Vi Thị Đ, sinh năm 1999;

Địa chỉ: Bản Púng, xã Quang Chiêu, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hoá.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Ngân Văn T và chị Vi Thị Đ tự do tìm hiểu yêu đương, không ai ép buộc ai, không bị ai ép buộc, anh chị tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 29/3/2021 tại UBND xã Tam Chung, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc, đến khoảng đầu

năm 2022 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung trong hôn nhân, tình cảm vợ chồng bị rạn nứt không có hạnh phúc. Khi mâu thuẫn xảy ra, đã được hai bên gia đình hòa giải, nhưng cuộc sống vợ chồng vẫn không cải thiện được, mà ngày càng trở nên trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay, xét thấy cuộc sống vợ chồng thực sự không còn hạnh phúc, anh Ngân Văn T và chị Vi Thị Đ đề nghị Tòa án công nhận cho anh, chị được thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Ngân Văn T và chị Vi Thị Đ có với nhau 01 con chung, tên cháu là Ngân Thị Hoài P, sinh ngày 28/6/2019, hiện cháu phát triển bình thường về thể chất và trí lực và cháu đang sống với bố. Quá trình giải quyết, cháu chưa đủ bảy tuổi nên chưa có bản ghi nguyện vọng. Nay ly hôn, anh, chị tự nguyện thỏa thuận và đề nghị Tòa án công nhận, đó là: Giao cháu Ngân Thị Hoài P, sinh ngày 28/6/2019 cho anh Ngân Văn T là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Chị Vi Thị Đ có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cấm cản trở.

Anh Ngân Văn T và chị Vi Thị Đ thỏa thuận và thống nhất, chị Vi Thị Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[3] Về lệ phí việc dân sự: Miễn án phí việc dân sự sơ thẩm cho anh Ngân Văn Thọ và chị Vi Thị Đ. Vì anh Ngân Văn T và chị Vi Thị Đ là người dân tộc thiểu số (Thái và Mường) sống ở vùng có điều kiện KT-XH đặc biệt khó khăn và đã có đơn xin miễn án phí.

[4] Về tài sản chung, công nợ chung: Không yêu cầu gì, nên không xét.

Xét thấy yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, sự thỏa thuận việc nuôi con chung của anh Ngân Văn T và chị Vi Thị Đ là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, nên cần chấp nhận.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Ngân Văn T, sinh năm 1999 và chị Vi Thị Đ, sinh năm 1999.

Quan hệ hôn nhân giữa anh Ngân Văn T và chị Vi Thị Đ chấm dứt kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực pháp luật.

- Về con chung: Giao cháu Ngân Thị Hoài P, sinh ngày 28/6/2019 cho anh Ngân Văn T là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi

cháu đủ 18 tuổi; Chị Vi Thị Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được ngăn cấm, cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự không yêu cầu.

Vì quyền lợi mọi mặt của người con, anh Ngân Văn T và chị Vi Thị Đ đều có quyền làm đơn đề nghị thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung khi cần thiết và có căn cứ của pháp luật.

- Về các vấn đề khác: Giấy chứng nhận kết hôn số 12 ngày 29/3/2021 của UBND xã Tam Chung, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa hết giá trị pháp lý kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực pháp luật.

2. Về lệ phí Tòa án: Miễn lệ phí việc Hôn nhân Gia đình sơ thẩm cho anh Ngân Văn T và chị Vi Thị Đ. Vì anh Ngân Văn T và chị Vi Thị Đ là người dân tộc thiểu số (Thái và Mường) sống ở vùng có điều kiện KT-XH đặc biệt khó khăn và đã có đơn xin miễn án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV&THA – TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Lát (02 bản);
- Phòng 9 - Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa;
- Chi cục THADS huyện Mường Lát, T. Thanh Hóa;
- UBND xã Tam Chung, H. Mường Lát, T. Thanh Hóa;
- Người yêu cầu Vi Thị Định;
- Người yêu cầu Ngân Văn Thọ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Tiến Dũng

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 31-VDS:

- (1) Ghi tên Tòa án ra quyết định; nếu là Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi rõ tên Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội); nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi Tòa án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam).
- (2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra Quyết định.
- (3) và (4) Ghi điểm, khoản, điều luật tương ứng của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Hôn nhân và Gia đình.
- (5) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm thụ lý việc hôn nhân và gia đình.
- (6) Ghi rõ họ tên, địa chỉ nơi cư trú của người yêu cầu;
- (7) Nếu là cá nhân thì ghi rõ họ tên, địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người đó; nếu là cơ quan, tổ chức thì ghi tên cơ quan, tổ chức và địa chỉ trụ sở của cơ quan, tổ chức đó.
- (8) Ghi nhận định của Tòa án về những nội dung mà các đương sự thỏa thuận được theo Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành. Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ tự trong dấu [].